

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2017.

V/v ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Phạm Thị Đào**
- Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Ngô Thị Thời** – Phó trưởng phòng liên minh HTX tỉnh Hải Dương.

2. **Bà Hà Thị Thúy** – Cán bộ nghỉ hưu.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Nguyễn Diệu Linh** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên toà: **Ông Nguyễn Văn Nhiệm** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở, Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 281/2017/ST-HNGĐ ngày 13/6/2017 về việc ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hoàng Y, sinh năm 1982.

ĐKKHKT: Số 102 TDT, khu 6, phường NC, thành phố HD, tỉnh HD

Nơi cư trú: Số 6A/87 THĐ, phường THĐ, thành phố HD, tỉnh HD

Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Anh Vũ Anh D, sinh năm 1983.

HKTT và nơi cư trú: Số 102 TDT, khu 6, phường NC, thành phố HD, tỉnh HD.

Vắng mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị Hoàng Y trình bày: Chị và anh D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND phường NC vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Anh D mãi mê chơi bời bạn bè, thậm chí chị còn nghi ngờ lòng chung thủy của anh ấy giành cho chị là không còn. Bản thân chị đã động viên và khuyên nhủ anh nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi quan điểm sống của mình. Mặc dù vậy chị vẫn cố gắng chịu đựng vì gia đình và vì các con, hơn nữa chị xác định gia đình nhà chồng rất tốt với mẹ con chị nên đó là động lực cho chị vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống. Chị luôn hy vọng anh sẽ thay đổi và nhận ra cuộc sống gia đình quan trọng như thế nào nhưng càng hy vọng thì chị càng thất vọng. Đến năm 2014 anh chơi bời với bạn bè xấu dẫn đến làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều, trách nhiệm đối với gia đình không có, chị một mình gánh vác, lo toan cho các con. Anh đi chơi triền miên có khi mấy tuần mới về nhà một lần, chính vì vậy chị quyết định làm đơn xin ly hôn anh, nhưng sau đó do gia đình và chính quyền địa phương hòa giải, anh hứa sẽ thay đổi nên chị nghĩ mâu thuẫn có thể khắc phục được, chị không nộp đơn ly hôn nữa. Cuộc sống chung vợ chồng sau đó vẫn không được cải thiện, mỗi người vẫn sống theo cách riêng của mình. Cuối năm 2014 anh D nói với chị là đi làm ăn xa để có tiền trả nợ và cũng kể từ thời gian ấy anh chị không còn quan tâm gì đến nhau, mỗi lần anh gọi điện về chỉ gặp con, vợ chồng cũng không nói chuyện với nhau. Khi có chuyện cần nói liên quan đến nợ nần thì vợ chồng lại cãi chửi nhau. Bản thân chị thấy mệt mỏi khi phải sống cảnh như vậy, có gia đình cũng như không bởi những khó khăn, con cái ốm đau chị đều phải gánh vác một mình mà không có anh. Anh chị đã sống ly thân được 03 năm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Hoàng T, sinh ngày 16/4/2008 và Vũ Hoàng A, sinh ngày 30/5/2014. Khi ly hôn anh và chị cùng thỏa thuận chị nuôi dưỡng con Vũ Hoàng A và để con Vũ Hoàng T cho anh nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Hiện nay cả hai con đang sinh sống cùng anh D và ông bà nội.

Về tài sản chung, về nợ, về công sức đóng góp với gia đình hai bên: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai, bà Trịnh Thị M (mẹ đẻ anh Vũ Anh D) trình bày: Chị Y và anh D được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống với gia đình nhà bà. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không chia sẻ, không đồng tâm cộng khổ được với nhau nên khi gặp khó khăn thì vợ chồng xảy ra cãi, thậm

chí đánh nhau. Anh chị làm ăn khó khăn rồi dẫn đến nợ nần, hiện nay anh D làm xây dựng nay đây mai đó, không ở một chỗ cố định nên không có thời gian quan tâm đến cuộc sống gia đình. Anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Y xác định xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D thì quan điểm của bà (là đại diện cho gia đình): Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để anh chị sớm ổn định cuộc sống riêng. Về phần con chung: Anh chị có 02 con chung, khi ly hôn đề nghị Tòa án giao con Tùng cho anh D nuôi dưỡng, con Anh giao cho chị Y nuôi dưỡng. Hiện nay bà còn trẻ khỏe, bà sẵn sàng giúp đỡ anh D chăm sóc con Hoàng Tùng khi anh D đi làm xa.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Y và anh D, tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh D bà đã giao và thông báo cho anh D biết và quan điểm của anh D như sau: Về quan hệ vợ chồng: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh cũng không muốn níu giữ nên chị Y có đơn xin ly hôn thì anh nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Hoàng T, sinh ngày 16/4/2008 và Vũ Hoàng A, sinh ngày 30/5/2014, anh có nguyện vọng nuôi con Tùng vì từ bé con vẫn sinh sống cùng anh và ông bà nội, ngay cả khi chị Y bỏ nhà đi chị vẫn để con cho anh chăm sóc, do vậy anh không muốn thay đổi môi trường sống của con, đối với con Vũ Hoàng A do còn nhỏ tuổi nên anh đồng ý để chị Y nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Vợ chồng không có. Anh D xác định anh sẽ không đến tham gia tố tụng tại Tòa vì công việc của anh rất bận, hơn nữa anh chị mà gặp nhau lại xảy ra xô sát, việc chị Y xin ly hôn anh, đó là quyền của chị và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: 1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị Hoàng Y được ly

hôn anh Vũ Anh D. 2. *Về con chung*: Giao con Vũ Hoàng T, sinh ngày 16/4/2008 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con Vũ Hoàng A, sinh ngày 30/5/2014 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Anh D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, tuy nhiên Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D, theo qui định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hoàng Y và anh Vũ Anh D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Ngọc Châu vào năm 2007. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Anh D thường xuyên vắng mặt tại nhà nên không có thời gian chăm sóc và vun vén cho cuộc sống gia đình. Năm 2014 chị đã làm đơn xin ly hôn anh nhưng sau đó do gia đình hai bên và chính quyền địa phương tổ chức hòa giải, chị cũng muốn cho anh cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nên chị không nộp đơn lên Tòa án nữa, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không được cải thiện. Anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay, hiện nay mỗi người có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến cuộc sống của ai và không có biện pháp gì để tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt, điều đó khẳng định anh cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị Y là phù hợp với lời trình bày của bà M, chị D và đại diện chính quyền địa phương. Theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Phạm Thị Hoàng Y được ly hôn anh Vũ Anh D là phù hợp với qui định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Quan hệ con chung: Khi ly hôn chị Y có nguyện vọng nuôi con Vũ Hoàng A, để con Vũ Hoàng T cho anh D nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Bà M trình bày quan điểm của anh D cũng nhất trí để con Hoàng Anh cho chị Y nuôi dưỡng, con Hoàng Tùng anh sẽ nuôi dưỡng bởi các con anh hiện nay vẫn sinh sống cùng anh và ông bà nội từ khi vợ chồng ly thân, anh và chị đều quan tâm đến cuộc sống của các con như nhau nhưng con Hoàng Tùng đang học tiểu học tại Ngọc Châu nên anh không muốn con phải thay đổi môi trường sinh sống và học tập của mình, còn con Hoàng Anh do còn nhỏ ở với chị sẽ phù hợp hơn. Mặt khác con Hoàng Tùng cũng có nguyện vọng được ở với bố khi anh chị ly hôn. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện cũng như quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX giao con Vũ Hoàng T, sinh ngày 16/4/2008 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con Vũ Hoàng A, sinh ngày 30/5/2014 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp với qui định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, về nợ và công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Hoàng Y phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Phạm Thị Hoàng Y được ly hôn anh Vũ Anh D.

2. *Về con chung:* Xử

+. Giao con Vũ Hoàng T, sinh ngày 16/4/2008 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+. Giao con Vũ Hoàng A, sinh ngày 30/5/2014 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh D , chị Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị xác định không có nên không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Hoàng Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AB/2014/0002938 ngày 12/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Thông báo cho chị Y biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự TP. Hải Dương;;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường Ngọc Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

